hUỶ BAN NHÂN DÂN TP.HCM
TRƯỜNG CĐCN THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ISO 9001:2008

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH: TIẾNG NHẬT

I. THÔNG TIN CHUNG
- Tên học phần: Ngữ pháp tiếng Nhật 1
- Mã học phần: CSK130011
- Trình độ: Cao đẳng
- Áp dụng cho chuyên ngành: Tiếng Nhật
- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 1; Thực hành: 2)
- Số giờ: 75 (Lý thuyết: 15; Thực hành: 60)
- Loại học phần: Bắt buộc
- Môn học trước: Không
- Điều kiện tiên quyết: Không

II. PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG
- Lý thuyết: 15 giờ
- Thực hành, Thảo luận, thí nghiệm, Bài tập: 60 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

III. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA HỌC PHẦN:
1. Vị trí:
- Học phần được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 1 của chương trình.

2. Tính chất:
- Học phần Ngữ pháp tiếng Nhật 1giúp sinh viên bước đầu làm quen với Tiếng Nhật qua các bảng chữ cái, âm tiết, cách phát âm…. Bên cạnh đó tạo tiền đề, xây dựng kiến thức ngữ pháp căn bản nhất cho sinh viên Sau mỗi điểm ngữ pháp là phần thực hành đặt câu áp dụng và luyện tập các bài tập liên quan giúp sinh viên nắm vững những điểm ngữ pháp đã học.

IV. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN
1. Kiến thức:
- Phân biệt được các đặc điểm chung, hệ thống chữ viết, hệ thống từ vựng & ngữ pháp, âm vị trong tiếng Nhật. Nhận diện được các chữ cái theo bảng chữ cái

Hiragana và Katakana và số đếm. Áp dụng đúng 2 bảng chữ đã học vào từ vựng: từ ngoại lai, từ thuần Nhật, tên người nước ngoài, tên người Nhật….

- Hiểu các mẫu câu căn bản trong văn phạm tiếng Nhật. Nói được những câu văn ngắn trong sinh hoạt hằng ngày. Phân biệt cách dùng danh từ, động từ và tính từ. Biết cách chia động từ theo thì hiện tại, quá khứ, tương lai….

2. Kỹ năng:

- Áp dụng các chủ điểm ngữ pháp viết những câu đơn giản rất quen thuộc trong sinh hoạt hằng ngày, cá nhân, trong công việc, trong học tập.
- Áp dụng các động từ mô tả xu hướng, vị trí, các tính từ diễn tả tính chất của con người sự việc cách đơn giản ,
- Phát triển kỹ năng phân tích từ loại cách đơn giản như động từ, danh từ, tính từ I, tính từ Na
- Phân tích câu hỏi và trả lời câu hỏi đúng với cấu trúc ngữ pháp đơn giản, phát triển ý, đưa ra ví dụ thực tế.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tổ chức kế hoạch học tập nâng cao năng lực.
- Phát triển kỹ năng làm việc độc lập.
- Lập kế hoạch, triển khai kế hoạch làm việc nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành

V. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung	Thời lượng (số giờ)		
		TS	LT	TH
	Phần 1 : Nhập môn Tiếng Nhật			
1	1. Bài 1 : Giới thiệu chung về tiếng Nhật - Đặc điểm chung - Hệ thống chữ viết - Hệ thống từ vựng & ngữ pháp, âm vị 2. Bài 2 : Bảng chữ cái Hiragana (phần 1) - Giới thiệu bảng chữ cái - Luyện viết và đọc 3 hàng (hàng a, hàng ka, hàng sa) - Một số câu chào hỏi thông thường	5	**1**	**4**
2	3. Bài 3 : Bảng chữ cái Hiragana (phần 2) - Luyện viết một số từ vựng liên quan đến 3 hàng	**5**	**1**	**4**

	chữ đã học - Luyện viết và đọc 3 hàng chữ tiếp theo (hàng ta, hàng na, hàng ha) - Một số câu chào hỏi thông thường (tiếp theo) 4. Bài 4 : Bảng chữ cái Hiragana (phần 3) - Ôn tập những chữ đã học - Luyện viết và đọc 3 hàng (hàng ma, hàng ya, hàng ra và wa, wo, n) - Ghép chữ đã học - Số đếm từ 1 đến 10			
3	5. Bài 5 : Bảng chữ cái Hiragana (phần 4) - Biến âm (âm kêu + âm nửa kêu) - Phụ âm đôi - Tập đọc từ vựng 6. Bài 6 : Bảng chữ cái Hiragana (phần 5) - Âm kết hợp - Trường âm - Thực hành đọc viết âm kết hợp - Nhận biết trường âm trong từ vựng	**5**	**1**	**4**
4	7. Bài 7 : Bảng chữ cái Katakana (phần 1) - Giới thiệu bảng chữ cái Katakana - Luyện viết và đọc từ chữ a đến chữ ha - Tập đọc chữ Hiragana trong sách Minna no nihongo 8. Bài 8 : Bảng chữ cái Katakana (phần 2) - Ôn chữ đã học - Luyện viết và đọc từ chữ ma đến chữ n	**5**	**1**	**4**
5	9. Bài 9 : Bảng chữ cái Katakana (phần 3) - Biến âm và âm kết hợp - Trường âm trong bảng Katakana 10. Bài 10 : Ôn tập - Luyện đọc 2 bảng chữ kết hợp trong câu, từ - Viết và đọc một số câu dùng trong lớp học	**5**	**1**	**4**
	Phần 2 : Bắt đầu Bài học			

6	**1. Bài 1 :** **1.1 Từ vựng** **1.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - Danh từ 1 は Danh từ 2 です - Danh từ 1 は Danh từ 2 じゃありません - Trợ từ の, も, か - ～さん **1.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **1.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)**	**5**	**1**	**4**
7	**2. Bài 2 :** **2.1 Từ vựng** **2.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - これ、それ、あれ - この, その, あの - Câu1 か、Câu2 か - Trợ từ の **2.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **2.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)** Part 3	**5**	**1**	**4**
8	**3. Bài 3 :** **3.1 Từ vựng** **3.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - ここ、そこ、あそこ　どこ - ちら、そちら、あちら　どちら - Danh từ 1 は Danh từ 2 （địa điểm）です。 - Bảng đại từ chỉ thị và tính từ chỉ thị tương ứng **3.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **3.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)**	**5**	**1**	**4**
9	**4. Bài 4 :** **4.1 Từ vựng**	**5**	**1**	**4**

	4.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp - Cách xem giờ - Động từ thể ます/ません/ました/ませんでした - Trợ từ に, から、まで, と、ね **4.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **4.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)**			
10	**5. Bài 5 :** **5.1 Từ vựng** **5.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - Trợ từ へ và động từ di chuyển - Mẫu câu đi đâu, với ai, khi nào? - Trợ từ で, と **5.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **5.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)** **5.5 Kiểm tra giữa kỳ**	**5**	**1**	**4**
11	**6. Bài 6 :** **6.1 Từ vựng** **6.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - Trợ từ を、で - なにをしますか - なに và なん - ませんか/ ましょう **6.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **6.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)**	**5**	**1**	**4**
12	**7. Bài 7 :** **7.1 Từ vựng** **7.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - Trợ từ で - これはにほんごでなんですか	**5**	**1**	**4**

	- Mẫu câu cho và nhận gì từ ai - もう+động từ ました **7.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **7.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)**			
13	**8. .Bài 8 :** **8.1 Từ vựng** **8.1 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - Phân biệt tính từ đuôi "い" và Tính từ đuôi "な" - Chức năng và vị trí của hai tính từ - Câu hỏi : どれ、どんな、どう **8.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **8.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)**	**5**	**1**	**4**
14	**9.Bài 9 :** **9.1 Từ vựng** **9.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - Danh từ + が+じょうず/へた/すき/きらい - Danh từ + が+あります/わかります - Từ chỉ mức độ - Câu hỏi どうして **9.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **9.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)**	**5**	**1**	**4**
15	**10.Bài 10 :** **10.1Từ vựng** **10.2 Mẫu câu, giải thích ngữ pháp** - Mẫu câu chỉ vị trí của người hay vật - Mẫu câu liệt kê đồ vật (や) **10.3 Thực hành luyện tập B và mondai** **10.4 Thực hành bài tập (mondaishuu)**	**5**	**1**	**4**
TỔNG CỘNG		**75**	**15**	**60**

VI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HỌC PHẦN:

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng:

- Phòng học
- Phòng thực hành nghe nhìn.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Hệ thống loa, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo
- Bút, viết, tập ghi chép.
- Các dụng cụ khác hỗ trợ cho từng loại bài tập

4. Các điều kiện khác:

- Yêu cầu đối với sinh viên: Chuẩn bị bài học tại nhà theo yêu cầu của giảng viên; Tích cực, chủ động tham gia quá trình dạy học trên lớp; Làm bài tập về nhà do giảng viên chỉ định; Tự rèn luyện, phát huy năng lực tự học

- Sinh viên phải tham dự tối thiểu 80% số tiết, nghỉ học phải xin phép và có lý do chính đáng. Sinh viên vắng mặt quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi và nhận 0 điểm cho kỳ thi cuối kỳ.

VII. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

1. Đánh giá quá trình:

Hình thức	Số lần	Trọng số (%)	Ghi chú
Chuyên cần	1	10%	
Tự luận + Trắc nghiệm	1	30%	Thi giữa kỳ

2. Thi kết thúc học phần:

Hình thức thi	Thời lượng (phút)	Trọng số (%)	Ghi chú
Tự luận + trắc nghiệm	60 phút	60%	*Sinh viên thi cuối kỳ sử dụng bút mực phù hợp với quy chế*

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

1. Về phương pháp giảng dạy, học tập:

- Phương pháp giảng dạy hiện đại, lấy sinh viên làm trọng tâm, tổ chức các hoạt động nhóm để sinh viên chủ động thảo luận các chủ đề viết, suy luận và sắp xếp ý tưởng, tổ chức các hoạt động dạy kỹ năng viết tích hợp với các kỹ năng khác.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá quá trình tiếp thu của sinh viên.

2. Những trọng tâm cần chú ý:

- Rèn luyện kỹ năng của sinh viên theo định hướng kỳ thi Jlpt hoặc Nat-test

3. Các lưu ý khác:

Tp.HCM, ngày tháng năm 20

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỞNG KHOA**

Phạm Minh Trung